

Bản án số: 25/2025/HS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Thanh

2. Bà Trịnh Thị Phương

- **Thư ký phiên toà:** Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bùi Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1993 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (nay là xã T, tỉnh Thanh Hoá); nơi cư trú: thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038093001654, cấp ngày 11 tháng 08 năm 2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; con ông Nguyễn Văn Th (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1997 và có 02 con; tiền án: Không;

Tiền sự: 01.

- Ngày 08/12/2023, bị Công an huyện Nông Cống ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích” quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ, bị cáo đã nộp phạt ngày 28/12/2023.

Nhân thân:

- Ngày 04/02/2015 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt hành chính 18 tháng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 20/6/2016 bị cáo chấp hành xong quyết định.

- Ngày 17/7/2017 bị Toà án nhân quân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 02 năm; ngày 28/4/2019 bị cáo chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/5/2025, chuyển tạm giam từ ngày 20/5/2025 tại Phân trại tạm giam khu vực Nông Cống, Công an tỉnh Thanh Hoá cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Mai Đình M, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Bùi Khắc Tr, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- *Người làm chứng.*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Như M, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Thái Thị T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Bà Mai Thị H, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Mai Hồng L, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Anh Mai Đình T, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Anh Mai Hồng B, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn Đặng Đồi, xã Trường Văn, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Chị Lê Thị T, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Anh Mai Văn V, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Anh Mạch Văn N, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn H xã C, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

12. Anh Lê Đình T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa vắng mặt.

14. Chị Mai Thị P, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là lao động tự do, trong quá trình tham gia làm môi giới mua bán bất động sản trên địa bàn huyện N cũ nên có hiểu biết về các thủ tục hành chính liên quan đến việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó T nhận làm “dịch vụ” lo các thủ tục yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ dân có nhu cầu trên địa bàn và trên thực tế T đã giúp được một số hộ dân làm xong thủ tục và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nhu cầu.

Trong năm 2024, khi đã có uy tín nhất định, nhiều người biết đến T và nhờ T đứng ra làm dịch vụ cung cấp thủ tục, giấy tờ để yêu cầu cấp mới, cấp lại, sang tên... giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trả công (chi phí) từ 17.000.000đồng đến 60.000.000đồng. Sau khi thoả thuận và nhận tiền công, tùy thuộc tính chất từng vụ việc mà T hứa hẹn trong thời gian từ 01 tháng đến 06 tháng sẽ làm xong

thủ tục và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người nhờ thanh làm. Trong quá trình thực hiện công việc dịch vụ cho những người có yêu cầu, T biết rõ có những trường hợp không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối là sẽ làm được để yêu cầu người đang nhờ mình đưa tiền, rồi sử dụng vào công việc cá nhân, đến hẹn không lo được việc như đã hứa, không trả lại tiền mà trốn tránh nhằm chiếm đoạt.

Quá trình điều tra, xác định trong khoảng thời gian từ năm 2024 đến khi bị bắt, với thủ đoạn như trên Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt tiền của 02 trường hợp, cụ thể:

1. Đối với trường hợp của ông Mai Đình M, sinh năm 1961 ở thôn N, xã T, huyện N (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá).

Thông qua anh Mai Hồng B, sinh năm 1982 ở xã T, huyện N (nay là Thôn T xã T, tỉnh Thanh Hóa) là người đã từng nhờ T làm dịch vụ giới thiệu T có thể lo làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 20/02/2024, ông Mai Đình M nhờ T làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mảnh đất của mẹ đẻ ông M là bà Phạm Thị P (đã chết) sang tên cho ông M. T nhờ anh Mạch Văn N - nhân viên Ban quản lý dự án huyện N đăng ký trích đo diện tích đất. Ngày 22/02/2024, trước khi đi đo đạc diện tích đất, T bảo ông M đưa 3.000.000đồng tiền bồi dưỡng để đo đất, lúc này con trai ông M là anh Mai Văn V đã đưa cho T 3.000.000 đồng tiền mặt. Khi tiến hành đo đạc diện tích đất thì xảy ra việc tranh chấp, chửi bới giữa nhà ông M với hộ gia đình đang ở trên diện tích đất là bà Mai Thị P, T hỏi anh Mai Hồng B thì được biết trước đó bà P đã bán diện tích đất đó cho hộ gia đình khác, nay ông M muốn lấy lại nên mới nhờ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này, T biết rõ là không thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M vì đang có tranh chấp.

Tuy nhiên, đến ngày 27/02/2024 do cần tiền tiêu sài cá nhân nên T đã nói dối ông M là vẫn làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí hết 28.000.000đồng và đề nghị ông M đưa khoản tiền ứng trước 14.000.000đồng để làm thủ tục. Ngày 28/02/2024, con dâu ông M là chị Lê Thị T đã chuyển cho T số tiền 14.000.000đồng thông qua anh Mai Hồng B Sau khi nhận được tiền, T cho anh B 4.000.000đồng, còn lại 10.000.000đồng cá nhân T sử dụng hết. Khi đến hẹn T không lo làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không nói cho ông M biết là sẽ không làm được mà liên tục hứa hẹn rồi sau đó trốn tránh, cắt liên lạc với ông M.

2. Đối với trường hợp anh Bùi Khắc Tr, sinh năm 1987 ở thôn N, xã T, huyện N (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá).

Vào ngày 21/03/2024, cũng thông qua anh Mai Hồng B giới thiệu, anh Tr đã nhờ T lo thủ tục, giấy tờ để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ vợ anh Tr ở xã V bị mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994. T nói sẽ làm xong trong vòng 06 tháng với chi phí 40.000.000đồng, sau khi trích đo diện tích sẽ ứng trước 20.000.000đồng để lo thủ tục, số tiền 20.000.000đồng còn lại sẽ thanh toán sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày

25/03/2024, sau khi tiến hành đo đạc, T chụp ảnh gửi cho anh B để anh B nói lại anh Tr chuyển 20.000.000 đồng tiền tạm ứng như thỏa thuận. Khoảng 3 đến 5 ngày sau, anh Tr chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho anh B, anh B chuyển cho T 10.000.000 đồng.

Khoảng 20 ngày sau khi đo đất, anh Mạch Văn N (nhân viên Ban quản lý dự án huyện N cũ) nói với T là không ra được trích đo vì bị tăng diện tích thực tế. Sau đó T tiếp tục tự đăng ký đo đạc lại tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện N cũ, lúc này cán bộ đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai là anh Lê Đình T trả lời cho T biết là *“đất bị chồng lấn với thửa giáp ranh nên yêu cầu chủ đất phải đến Văn phòng đăng ký để giải trình, cam kết nguồn gốc đất với các hộ giáp ranh thì mới có kết quả trích đo được”*, T liên hệ với anh Bùi Khắc Tr nhưng anh Tr đang đi làm ở Hải Phòng nên không đưa chủ đất lên được, do đã tiêu hết tiền nên T không làm thủ tục nữa.

Đến khoảng tháng 7/2024, anh Bùi Khắc Tr về nhà và hỏi T có cần đưa chủ đất đến ký cam kết nữa không, T nói dối anh Tr là T vẫn đang làm và không cần ký cam kết nữa. Vì cần tiền để tiêu sài và cá cược chơi tài xỉu, nên ngày 10/12/2024 T hẹn anh Tr tại quán cafe gần Văn phòng đăng ký đất đai và nói dối anh Tr sắp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu anh Tr chuyển tiếp tiền cho T để chuẩn bị nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong các ngày từ ngày mùng 10, 11 và ngày 12 tháng 12 năm 2024, anh Bùi Khắc Tr đã chuyển khoản cho T thêm 03 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, số tiền này T đã chiếm đoạt chi tiêu cá nhân và nạp chơi game tài-xỉu. Đến ngày 16/12/2024 khi được anh Tr hỏi tiếp thì T vẫn nói dối anh Tr *“mai xếp kí em lấy”* để trì hoãn, sau đó T trốn tránh và cắt liên lạc nhằm chiếm đoạt.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá còn tiếp nhận được một số tố cáo khác của công dân đối với Nguyễn Văn T, cụ thể:

- *Tố cáo của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 ở thôn N, huyện N (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá) về việc:* Cuối tháng 3/2024, thông qua anh Mai Hồng B giới thiệu, bà T đã nhờ T làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Phạm Hữu K (em chồng bà T) sang tên vợ chồng bà T. T hứa hẹn trong vòng 01 đến 02 tháng sẽ làm xong với tổng chi phí dịch vụ được hai bên thỏa thuận là 17.000.000 đồng và yêu cầu ứng trước 5.000.000 đồng. Bà T đưa cho T 5.000.000 đồng tiền mặt, T có viết giấy nhận tiền, sau khi nhận tiền T cho anh B 2.000.000 đồng công giới thiệu, còn 3.000.000 đồng T đã sử dụng hết vào chi tiêu cá nhân. Ngay sáng hôm sau khi nhận tiền thì gia đình bà T gọi cho T nói là không làm nữa yêu cầu trả lại tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khoảng 1 tuần sau T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ đến nhà đưa lại cho bà T nhưng do đã tiêu hết tiền nên không có tiền trả lại cho bà T, T xin khát bà T do đã tiêu hết tiền nên sẽ trả tiền sau.

- *Tố cáo của ông Nguyễn Như M, sinh năm 1960 ở thôn N, xã T, huyện N (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá) về việc:* Tháng 6/2024, ông Nguyễn Như

M, nhờ T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất ao của nhà, T nhận làm cho ông M với chi phí dịch vụ thỏa thuận là 60.000.000đồng, bao gồm tiền dịch vụ trả công cho T và tiền nộp thuế, T hứa trong vòng 06 tháng sẽ làm xong. T yêu cầu cho ứng trước 30.000.000đồng, ông M đưa cho T 30.000.000đồng bằng tiền mặt và T có viết giấy nhận tiền đề ngày 10/6/2024. T có đăng ký đo đạc lô đất, đồng thời số tiền nhận được thì sử dụng chi tiêu cá nhân và dùng nạp vào game tài xỉu trên mạng. Khoảng 10 ngày sau T cần tiền để trả tiền mua sim nên đến nhà ông M vay 7.000.000 đồng nữa. Sau khi có kết quả đo đạc diện tích đất, T nhầm tính tiền thuế phải nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M là khoảng 40.000.000đồng mà tiền đã ứng trước thì T đã tiêu hết nên T không làm gì để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M nữa. Do chi tiêu hết tiền nên T không tiếp tục làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M và cũng không có tiền trả lại, ông M cũng không yêu cầu trả tiền nên T đã bỏ đi làm ở nơi khác. Đến khi ông M đến nhà không tìm thấy T, không liên lạc được thì đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an.

- *Tố cáo của chị Thái Thị T, sinh năm 1975 ở thôn Đ, xã T, huyện N (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hoá).*

Ngày 06/10/2024, chị Thái Thị T thông qua bà Nguyễn Thị T giới thiệu đã nhờ T làm thủ tục sang tên từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng chị T là anh Nguyễn Văn S (đã chết) cho con trai chị T. T nhận làm trong vòng 60 ngày với tổng chi phí dịch vụ thỏa thuận là 40.000.000 đồng, yêu cầu ứng 15.000.000đồng. Chị T đồng ý và chuyển khoản cho T, T có viết giấy nhận tiền. Nhận được số tiền này T đã chuyển cho bà T 10.000.000đồng để nhờ bà T trả nợ 5.000.000đồng, còn 5.000.000đồng T bảo bà T cứ giữ lấy khi nào làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T thì T sẽ tính phần công giới thiệu của bà T. Ngày hôm sau chị T cung cấp cho T đủ các giấy tờ theo yêu cầu gồm: Giấy chứng tử của anh S, mẹ anh S; Giấy khai sinh của con trai, của chị T; Giấy xác nhận sống chung như vợ chồng. Sau đó T đăng ký niêm yết thủ tục thừa kế tại Văn phòng công chứng Đặng Xuân Thành để ban hành thông báo niêm yết tại UBND xã T. Lúc này thì được biết là anh S còn chưa ly hôn với vợ cũ nên chị T và con trai chị T không thể được làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra do cần tiền tiêu và nạp chơi game tài xỉu trên mạng, nên ngày 16/01/2025 T vay của bà T 3.000.000đồng. Ngay sau khi nhận tiền ứng từ chị T và tiền vay của bà T thì T đều đã chi tiêu cá nhân và chơi game tài xỉu trên mạng. Sau đó bà T có nhiều lần gọi điện, nhắn tin, đến nhà yêu cầu T không làm được thì phải trả lại tiền và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T để đưa lại cho chị T nhưng T đã tiêu hết tiền nên xin khất nợ.

- *Tố cáo của bà Mai Thị H, sinh năm 1968, ở thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa:*

Ngày 01/6/2024, bà Mai Thị H cùng chồng là Nguyễn Văn Th ở thôn Đ, xã T, huyện N (nay là thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hoá) thông qua anh B giới thiệu đã nhờ T tách sổ đứng tên ông Th cho hai người con. T nhận làm với chi phí

27.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng, T ứng trước 7.000.000 đồng và có viết “Hợp đồng ủy quyền”, sau đó T đăng ký trích đo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N cũ. T được cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai trả lời là trước đó gia đình bà H đã đăng ký đo đạc một lần nhưng khi đo đạc thì gia đình bà H và hộ giáp ranh không thống nhất được mốc giới nên không đo đạc được. Số tiền nhận của bà H T khai đã chi tiêu cá nhân và nạp game cá cược tài xỉu trên mạng thua hết. Hết 30 ngày như hứa hẹn, bà H gọi hỏi T về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T biết là không làm được nhưng do đã tiêu hết tiền của bà H, không có tiền trả lại nên T trả lời chưa có trích đo để hoãn thêm thời gian. Sau đó nhiều lần bà H gọi điện nhắn tin hỏi thì T tiếp tục xin bà H cho thêm thời gian không được sẽ trả lại tiền.

- *Tố cáo của ông Mai Hồng L, sinh năm 1957, trú tại thôn N, xã T, huyện N, (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá):*

Khoảng tháng 3/2024, anh Mai Hồng B là con ông L nhờ T làm sổ mới (bìa hồng) từ sổ đỏ cũ đứng tên “*hộ Mai Đình L sang tên Mai Hồng L*” để sau này tách ra chia đất cho các con. T đã đăng ký đính chính xong tên hộ cho ông L từ “*hộ ông Mai Đình L*” thành “*hộ ông Mai Hồng L*” và đã đăng ký đo đạc tại Văn phòng đăng ký. Tuy nhiên sau đó các con của ông L không có mặt đủ ở nhà nên chưa ký giấy tờ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển sang tên cá nhân ông L được, T đã nhận của anh Mai Hồng B 5.000.000đồng. Bản thân B không có yêu cầu đề nghị gì đối với T mà hai bên sẽ tự giải quyết.

- *Tố cáo của anh Mai Đình T, sinh năm 1977 ở thôn N, xã , huyện N (nay là thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hoá):*

Khoảng tháng 3/2024, ông Mai Đình T nhờ T tách thửa đất của gia đình (đang đứng tên con trai ông T là Mai Đình T) để làm nhà thờ họ, T nhận làm trong vòng 01 tháng với chi phí dịch vụ thỏa thuận là 40.000.000 đồng. T có ứng tiền nhưng ông T chưa đưa tiền mà chỉ đưa cho T một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Mai Đình T. Đến nay T chưa làm được theo yêu cầu cho ông T, ông T đề nghị T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao trước đó.

Đối với các nội dung tố cáo đối với Nguyễn Văn T nêu trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác định: Những trường hợp trên khi nghe tin T có khả năng lo làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đều chủ động nhờ T đứng ra lo làm thủ tục và có thỏa thuận trả công (chi phí) cho T và đồng ý cho T được ứng một phần tiền trong tổng số tiền trả công chi phí. Sau khi nhận tiền chi phí ứng trước, bị cáo đã liên hệ nhờ người trong Ban quản lý dự án hoặc Văn phòng đăng ký đất đai tiến hành trích đo đất..., tuy nhiên sau đó do đã chi tiêu các khoản tiền đã nhận vào việc chi tiêu cá nhân, chơi game, chơi tài xỉu hết mà không lo làm thủ tục cho những người đã nhờ, khi đến hẹn, nhiều người đến hỏi T thì T khát hẹn và lẩn tránh.

Sau khi tiếp nhận tố cáo, nhận thấy việc sử dụng khoản tiền ứng trước của những người tố cáo và sử dụng vào việc đánh bạc trên mạng (chơi tài xỉu) có dấu hiệu của hành vi “Đánh bạc” và hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Quá trình điều tra, ngày 28/5/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá đã có Công văn số A3220/VPCQCSĐT gửi Bộ Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Internet Việt Nam (viết tắt là VNNIC) đề nghị phối hợp cung cấp thông tin liên quan đến trang web có tên miền 789w25.com và các thông tin liên quan đến việc cá cược, giao dịch trên trang web có địa chỉ 789w25.com. Tại Công văn số 2157/VNNIC ngày 12/6/2025 của Trung tâm Internet Việt Nam xác định trang web 789w25.com hoạt động dưới tên miền quốc tế 789w25.com do tổ chức quốc tế VeriSign Global Registry Services cấp và quản lý. Địa chỉ IP của website là do chủ thể tên miền và chủ thể website, đơn vị cung cấp dịch vụ hosting chủ động khai báo, sử dụng do vậy có thể thay đổi theo thời điểm tra cứu, do đó VNNIC không có thông tin để cung cấp. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy cập địa chỉ website và tài khoản theo lời khai của Nguyễn Văn T nhưng không kiểm tra được lịch sử biến động tài khoản, lịch sử nạp, rút tiền, lịch sử đặt cược của tài khoản do đo không đủ căn cứ để xác định hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn T.

Đối với khoản tiền ứng trước, đây là khoản tiền thoả thuận để trả công cho T, nếu không thực hiện như hứa hẹn thì có trách nhiệm trả lại. Đến nay T và gia đình đã trả lại toàn bộ số tiền T đã ứng trước cho các trường hợp nói trên, nhưng người nhờ T cũng đã có đơn đề nghị không xử lý nên không đủ căn cứ để xử lý hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với Nguyễn Văn T.

- Đối với anh Mai Hồng B, bà Nguyễn Thị T và anh Mạch Văn N:

Bản thân anh B và chị T đều tin tưởng T có thể làm được nên mới giới thiệu người quen có nhu cầu làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhờ T. Anh B và chị T không biết rõ việc T đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người dân, không giúp sức cho T trong việc thực hiện hành vi lừa đảo, do đó không có đủ căn cứ xác định là đồng phạm với Nguyễn Văn T.

Đối với anh Mạch Văn N là người được T nhờ đăng ký trích đo các thửa đất có nhu cầu đo đạc tại Văn phòng đăng ký đất đai, anh N không biết việc T nhận tiền để thực hiện dịch vụ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, không giúp sức cho T trong việc thực hiện hành vi lừa đảo, do đó không có đủ căn cứ xác định là đồng phạm với T.

- Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ đồ vật tài liệu liên quan, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 965937 đứng tên Mai Đình T, sinh năm 1998, CMND 174911477, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (của ông Mai Đình T); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 591379 đứng tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1980, CCCD: 038080001722, địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá (của chị Thái Thị T); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0925738 đứng tên gia đình ông Mai Hồng L, tại thôn N, xã T, huyện N. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max và 01 điện thoại Iphone 14 Pro mà T sử dụng để liên lạc và giao dịch trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Văn T đã bán cho một cửa hàng tại thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình để

chi tiêu cá nhân, bị cáo không nhớ rõ tên, địa chỉ của cửa hàng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, thu giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt cho các bị hại và trả toàn bộ số tiền đã nhận của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSKV2 ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị mức hình phạt từ 20 đến 24 tháng tù. Do bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Các tài liệu, vật chứng thu giữ được đã được Cơ quan điều tra xử lý nên không đề nghị xem xét;

Về trách nhiệm bồi thường: Do gia đình bị cáo, các bị hại và người có liên quan đã tự nguyện thoả thuận việc bồi thường, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thành khẩn nhận tội, trong lời nói sau cùng bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn, hối hận, bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong quá trình tham gia làm môi giới mua, bán bất động sản Nguyễn Văn T có hiểu biết về các thủ tục hành chính liên quan đến việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó T nhận làm “dịch vụ” lo các thủ tục, giấy tờ liên quan đến việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ dân có nhu cầu và nhờ T làm hộ, Nguyễn Văn T thoả thuận chi phí dịch vụ, trả công cho T là từ 17.000.000đồng đến 60.000.000đồng, thời gian để hoàn thiện thủ tục và giao nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là từ 01 tháng đến 06 tháng.

Trong thời gian tháng 02 năm 2024 và tháng 12 năm 2024, thông qua giới thiệu của Mai Hồng B là người đã từng nhờ T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Nguyễn Văn T đã thoả thuận và nhận làm dịch vụ để yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Mai Đình M và anh Bùi Khắc Tr. Mặc dù sau khi thoả thuận nhận tiền công dịch vụ ứng trước của ông Mai Đình M với số tiền là 3.000.000đ và của anh Bùi Khắc Tr số tiền là 10.000.000đ thông qua anh Mai Hồng B, bị cáo đã biết rõ là không thể thực hiện được việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Đình M do đất đang có tranh chấp và không thể yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Bùi Khắc Tr do diện tích đất sai lệch diện tích đo thực tế, tuy nhiên do cần tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã nói dối ông M là vẫn làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chuyển tiếp cho bị cáo số tiền 14.00.000đ và nói dối anh Tr là chuẩn bị nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu anh Tr chuyển cho bị cáo nhiều lần với tổng số tiền là 12.000.000đ để chiếm đoạt chi tiêu.

Như vậy, hành vi của bị cáo trong việc thoả thuận với các bị hại về nội dung công việc, nhận tiền ứng trước công dịch vụ; sau đó mặc dù biết rõ là không thể thực hiện được việc làm các thủ tục có liên quan để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị hại nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối, tiếp tục yêu cầu các bị hại chuyển tiền để chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân với tổng số tiền là 26.000.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thanh Hoá truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân; hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho nhân dân khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật do đó cần thiết xử lý nghiêm minh đối với bị cáo nhằm bảo đảm tính răn đe, ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần đối với hai bị hại trong khoảng thời gian khác nhau nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị Toà án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo còn có 01 tiền sự về hành vi “Mang theo trong người vũ khí thô sơ nhằm mục đích gây thương tích”, mặc dù đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đã có thời gian đi cai nghiện tập trung nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ coi thường, bất chấp pháp luật chỉ vì mục đích thoả mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo, do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét; sau khi hành vi phạm tội bị tố cáo bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú; quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tích cực tác động để người thân thực hiện nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và những người có liên quan; các bị hại, người có liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần thiết áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sửa chữa lỗi lầm.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[6]. Về vật chứng: Vật chứng, tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá trả lại cho chủ sở hữu, quá trình điều tra và tại phiên toà không ai có ý kiến gì thêm nên miễn xét.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường:

Các bị hại đã được người thân là vợ và anh trai của bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Đối với người có liên quan là chị Lê Thị H là vợ của bị cáo và anh Nguyễn Văn T là anh trai của bị cáo không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8]. Đối với những người có đơn tố cáo đối với hành vi bị cáo nhận tiền để làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như tham gia thực hiện việc chuyển tiền cho bị cáo, quá trình điều tra xác định, đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa bị cáo và những người có nhu cầu do đó không có căn cứ để xử lý về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hay lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trước khi Toà án xét xử vụ án những người này đã được gia đình bị cáo trả lại toàn bộ số tiền bị cáo đã nhận, có đơn xác nhận đã nhận tiền, đề nghị không

xử lý đối với bị cáo và không còn yêu cầu gì thêm do đó Hội đồng xét xử xác định đây là những người làm chứng trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **22** (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 14/5/2025.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại,
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND Khu vực 2 – Thanh Hoá;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Văn Minh

